

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2022/HS-ST
Ngày: 26/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hiền

Ông Thân Văn Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 265/2022/TLST-HS ngày 30/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 254/2022/QĐXXST- HS ngày 14/12/2022 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Ngô Quang L**, sinh năm 1990; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn X, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Quang V và bà Đào Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H1 và 03 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 22/10/2022 đến ngày 28/10/2022. Hiện tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại

1. Chị Phạm Thị L1 – sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Kiều Văn T – sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phố M, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2022, Ngô Quang L- sinh năm 1990, đăng ký hộ khẩu thường trú thôn X, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang; chỗ thuê trọ: thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang và chị Phạm Thị L1- sinh năm 1986, trú tại thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có quen biết và nảy sinh quan hệ tình cảm với nhau. Ngày 27/7/2022, L và chị L1 rủ nhau đi đến một nhà nghỉ (L khai không nhớ tên của nhà nghỉ này) tại thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang và nghỉ đến trưa ngày 28/7/2022, L và chị L1 trả phòng. Lúc này, do không có phương tiện để đi lại nên L có hỏi mượn chị L1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn vàng nâu, biển kiểm soát 98C1- 186.00 (đăng ký xe mang tên chị Phạm Thị L1) mục đích để sử dụng làm phương tiện đi lại và được chị L1 đồng ý. Chị L1 giao xe, chìa khoá xe và đăng ký xe mô tô 98C1-186.00 cho L mượn; chị L1 bắt xe tắc xi về Khu công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh để đi làm. Sau khi mượn được xe mô tô của chị L1, L điều khiển chiếc xe trên về phòng trọ của L tại thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Kể từ đó, L sử dụng chiếc xe mô tô 98C1-186.00 mượn được của chị L1 làm phương tiện để đi lại. Đến đầu tháng 8/2022, L và chị L1 tiếp tục hẹn nhau tại một nhà nghỉ gần cây xăng thuộc xã Tăng Tiến, Việt Yên để nghỉ (L khai không nhớ tên của nhà nghỉ) và L điều khiển chiếc xe mô tô 98C1- 186.00 đến gặp chị L1 tại nhà nghỉ. Sau khi nghỉ xong, chị L1 về bắt xe tắc xi để đi về Công ty ở Khu công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh để làm việc và tiếp tục để lại chiếc xe mô tô 98C1-186.00 cho L1 mượn làm phương tiện đi lại. Sau lần gặp nhau này, giữa chị L1 và L xảy ra mâu thuẫn trong chuyện tình cảm, chị L1 muốn chấm dứt mối quan hệ với L và yêu cầu L trả cho chị L1 chiếc xe mô tô 98C1- 186.00. Do L không đồng ý chấm dứt mối quan hệ với chị L1 và vẫn đang giữ chiếc xe mô tô 98C1- 186.00 nên L không trả lại xe cho chị L1 đồng thời không liên lạc với chị L1 nữa. Chị L1 tìm cách liên hệ với L nhiều lần để đòi xe nhưng không liên lạc được còn L vẫn sử dụng chiếc xe mô tô mượn của chị L1 làm phương tiện đi lại. Đến ngày 23/8/2022, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô 98C1- 186.00 của chị L1 mang đi bán lấy tiền chi tiêu. Sau đó, L liên lạc với anh Kiều Văn T- sinh năm 1987, trú tại phố M, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (anh T có quan hệ quen biết với L từ trước) để đặt vấn đề bán chiếc xe trên cho anh T; anh T bảo L mang xe mô tô đến cửa hàng của anh T để anh T xem xe và thoả thuận giá cả. Khoảng 15 giờ cùng ngày 23/8/2022, L điều khiển chiếc xe mô tô 98C1-186.00 từ khu nhà trọ của L đến cửa hàng mua bán xe máy cũ, mới của anh T tại phố M, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, L nói dối anh T chiếc xe mô tô 98C1-186.00 là xe của L mua lại được. Sau khi xem xét chiếc xe thấy xe không bị cạy phá ổ khóa, có đủ chìa khoá và giấy đăng ký xe nên anh T tin tưởng là xe của L đã đồng ý mua chiếc xe mô tô 98C1-186.00 với giá 27.000.000 đồng; anh T và L không viết giấy tờ mua bán xe. Số tiền bán xe mô tô chiếm đoạt của chị L1 có được, L đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/10/2022, chị Phạm Thị L1 làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 21/10/2022, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Ngô Quang L đã đến Công an huyện Việt Yên để đầu thú.

Ngày 25/10/2022, anh Kiều Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn vàng nâu, biển kiểm soát 98C1- 186.00; chìa khóa xe và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98C1- 186.00.

Ngày 22/10/2022, Cơ quan điều tra tiến hành cho anh T nhận dạng trực tiếp người đã bán xe mô tô cho anh ngày 23/8/2022. Kết quả anh T nhận ra Ngô Quang L là người đã mang chiếc xe mô tô 98C1- 186.00 đến bán cho anh vào ngày 23/8/2022.

Tại Kết luận định giá tài sản số 154/KL-HĐĐGTS ngày 27/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Việt Yên kết luận: 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn vàng nâu, biển kiểm soát 98C1- 186.00 có giá trị 31.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 259/CT-VKS ngày 30/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố Ngô Quang L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Quang L từ 18 tháng tù đến 22 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 tháng đến 44 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: bị cáo không có ý kiến tranh luận lại với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 23/8/2022, tại thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Ngô Quang L có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn vàng, biển kiểm soát 98C1- 186.00 có giá trị 31.000.000 đồng của Phạm Thị L1- sinh năm 1986, trú tại thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng việc được bị hại giao cho sử dụng tài sản, khi đang sử dụng tài sản thì bị cáo lại nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại có trị giá 31.000.000 đồng. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Ngô Quang L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét về nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị xử lý hình sự lần nào.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Đầu thú” quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo có ấn định thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo, tạo cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ngày 20/11/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại chị Phạm Thị L1: 01 xe mô tô 98C1-186.00; chìa khóa xe và 01 giấy đăng ký xe mô tô 98C1-186.00. Đến nay chị L1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường dân sự; anh T chưa yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với anh Kiều Văn T là người đã mua chiếc xe mô tô do L chiếm đoạt của chị L1 mang đến bán; quá trình điều tra xác định khi mua xe mô tô anh T không biết đây là tài sản do L phạm tội mà có nên anh T không vi phạm pháp luật.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là có căn cứ.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Quang L 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- THAHS; THADS;
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thị Tuyết

